

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ  
thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc**

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC**

Căn cứ Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP, ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 01/2019/TT-UBDT ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định chế độ công tác dân tộc;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổng hợp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo quyết định này Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc áp dụng đối với các bộ ngành, địa phương.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2019.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Thủ trưởng các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: *ưu*

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBDT (để b/c);
- Các Thủ trưởng, PCN UBDT;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc T.Ư;
- Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh;
- Các vụ, đơn vị trực thuộc UBDT;
- Công thông tin điện tử UBDT;
- Lưu: VT, Vụ TH (03b). 64

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Phan Văn Hùng**



## DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

### PHẦN I. DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

TT	Tên chế độ báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
1	Báo cáo công tác dân tộc	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan;</li><li>- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc T.Ư;</li><li>- UBND cấp huyện, xã có nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc;</li><li>- Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh;</li><li>- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện chế độ báo cáo công tác dân tộc</li></ul>	Ủy ban Dân tộc	<ul style="list-style-type: none"><li>02 lần/năm</li><li>01 lần/năm</li><li>12 lần/năm</li> <li>12 lần/năm</li><li>12 lần/năm</li></ul>	Thông tư 01/2019/TT-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND Quy định chế độ báo cáo công tác dân tộc

↗





**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ**  
tại Thông tư 01/2019/TT-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2019  
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND Quy định chế độ báo cáo công tác dân tộc

**1. Nội dung báo cáo**

a) Báo cáo tháng và báo cáo quý

- Đối tượng báo cáo: Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh.

- Nội dung báo cáo: Nội dung và đề cương báo cáo tháng, quý thực hiện theo Mẫu báo cáo số 02;

b) Báo cáo 6 tháng và báo cáo năm

- Đối tượng báo cáo: Các bộ; Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã (báo cáo 6 tháng), Ủy ban nhân dân các cấp (báo cáo năm);

- Nội dung báo cáo:

Báo cáo của các bộ: Nội dung và đề cương báo cáo 6 tháng, báo cáo năm thực hiện theo Mẫu báo cáo số 04 và Biểu tổng hợp số 014/BN.ĐP/CSĐT;

Báo cáo của Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các cấp: Nội dung và đề cương báo cáo 6 tháng của Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, báo cáo năm của Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện theo Mẫu báo cáo số 05, Biểu tổng hợp số 003 và các Biểu tổng hợp kết quả thực hiện từng chính sách, chương trình, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo (Biểu tổng hợp số 002/ĐP..., 003/ĐP..., 004/ĐP..., ...);

**2. Thời gian chốt số liệu, thông tin báo cáo định kỳ**

a) Báo cáo định kỳ hằng tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến hết ngày 14 của tháng cuối kỳ báo cáo.

b) Báo cáo định kỳ hằng quý: Tính từ ngày 15 tháng trước kỳ báo cáo đến hết ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

c) Báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo.

d) Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

**3. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ**

Đối với báo cáo sử dụng chữ ký điện tử: Thời hạn gửi báo cáo tính theo thời điểm gửi báo cáo.

Đối với báo cáo thực hiện bằng văn bản giấy: Thời hạn gửi báo cáo tính theo thời điểm gửi file word hoặc bản định dạng pdf của báo cáo qua hệ thống thư điện tử.

2

- a) Báo cáo tháng: Chậm nhất là ngày 20 của tháng báo cáo;
- b) Báo cáo quý: Chậm nhất là ngày 20 của tháng cuối quý báo cáo;
- c) Báo cáo 06 tháng đầu năm: Chậm nhất là ngày 20 tháng 6 hằng năm;
- d) Báo cáo năm: Chậm nhất là ngày 20 tháng 12 hằng năm.

#### **4. Nơi nhận báo cáo**

Báo cáo chính thức (báo cáo thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc báo cáo sử dụng chữ ký điện tử) gửi về Ủy ban Dân tộc, 349 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội; đồng thời gửi file word hoặc bản định dạng pdf của báo cáo giấy qua hệ thống thư điện tử theo địa chỉ: [vutonghop@cema.gov.vn](mailto:vutonghop@cema.gov.vn); đối với báo cáo của các địa phương đồng thời gửi vụ, đơn vị quản lý địa bàn của Ủy ban Dân tộc.





## PHỤ LỤC

### CÁC ĐIỀU MẪU QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CÔNG TÁC DÂN TỘC

ban hành kèm theo Thông tư 01/2019/TT-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc

#### I. DANH MỤC CÁC MẪU ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC

STT	TÊN MẪU ĐỀ CƯƠNG	TÊN BÁO CÁO	KỶ TỔNG HỢP	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	THỜI HẠN GỬI	GHI CHÚ
1	Mẫu báo cáo số 02 - Báo cáo tháng (quý)	Báo cáo Kết quả thực hiện công tác dân tộc tháng (quý)....	Tháng, quý	Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh	Chậm nhất là ngày 20 tháng cuối kỳ báo cáo	Kèm báo cáo
2	Mẫu báo cáo số 04 - Báo cáo 6 tháng (năm)	Báo cáo Kết quả thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm ...(năm.....)	6 tháng, năm	Các bộ, cơ quan ngang bộ	Chậm nhất là ngày 20 tháng cuối kỳ báo cáo	Kèm báo cáo
3	Mẫu báo cáo số 05 - Báo cáo 6 tháng (năm)	Báo cáo Kết quả thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm ...(năm.....)	6 tháng, năm	Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các cấp	Chậm nhất là ngày 20 tháng cuối kỳ báo cáo	Kèm báo cáo

## MẪU BÁO CÁO SỐ 02 - BÁO CÁO THÁNG (QUÝ)

UBND TỈNH/TP....  
(cơ quan công tác dân tộc)

Số: /BC-

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

### BÁO CÁO

#### Kết quả thực hiện công tác dân tộc tháng (quý)....

#### I. TÌNH HÌNH VÙNG DTTS&MN

Tổng hợp tình hình vùng dân tộc thiểu số và miền núi nổi bật trong tháng (quý) về: sản xuất, đời sống, giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội; những vấn đề nổi cộm về an ninh trật tự, thiên tai, dịch bệnh, di cư... (nếu có)

#### II. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CÔNG TÁC DÂN TỘC

##### 1. Chỉ đạo, điều hành công tác dân tộc của địa phương (tỉnh/thành phố)

##### 2. Tình hình thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách do Ủy ban Dân tộc quản lý

- Công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, tổng kết...
- Tình hình triển khai và kết quả thực hiện (vốn kế hoạch, vốn thực giao, vốn giải ngân, tỷ lệ giải ngân, một số kết quả chủ yếu...)
- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình thực hiện từng chính sách, chương trình, dự án.

##### 3. Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan công tác dân tộc.

##### 4. Đánh giá chung

- Đánh giá kết quả thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc
- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

#### III. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DÂN TỘC THÁNG (QUÝ) TIẾP THEO

##### 1. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện.

##### 2. Các kiến nghị, đề xuất.

THỦ TRƯỞNG  
(Ký tên, đóng dấu)

## MẪU BÁO CÁO SỐ 04: BÁO CÁO 6 THÁNG, NĂM

BỘ .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-

....., ngày... tháng... năm...

### BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác dân tộc  
6 tháng đầu năm ...(năm.....)**

#### **I. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC**

1. Tình hình triển khai, kết quả thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ; các chỉ thị, kết luận, quyết định của Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc và Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.

#### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC DÂN TỘC DO BỘ QUẢN LÝ CHỈ ĐẠO**

1. Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng các chính sách, chương trình, dự án thực hiện tại vùng DTTS&MN.

2. Tình hình triển khai và kết quả thực hiện một số chương trình, đề án, dự án, chính sách hiện hành tác động trực tiếp đến vùng DTTS&MN.

Lập *Biểu tổng hợp số 014/BN.ĐP/CSDT* ban hành kèm theo Thông tư này

#### **III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC**

1. Kết quả đạt được

2. Một số hạn chế, khó khăn vướng mắc và nguyên nhân

#### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG (NĂM) TIẾP THEO**

#### **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

2. Với các bộ, ngành

3. Với Ủy ban Dân tộc

**BỘ TRƯỞNG**

(Ký tên, đóng dấu)



## MẪU BÁO CÁO SỐ 05 - BÁO CÁO 6 THÁNG VÀ BÁO CÁO NĂM

UBND TỈNH(TP)/HUYỆN/XÃ.....  
Hoặc CƠ QUAN DÂN TỘC CẤP TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-

....., ngày.....tháng.....năm.....

### BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm (năm.....)

#### I. TÌNH HÌNH VÙNG DTTS&MN 6 THÁNG ĐẦU NĂM (NĂM...)

1. Về sản xuất, đời sống (đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Thu nhập bình quân đầu người? tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo? tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo DTTS? tỷ lệ hộ tái nghèo? tình hình thiệt hại về người và tài sản do thiên tai? tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới? tỷ lệ xã có điện lưới quốc gia? tỷ lệ xã đường ô tô đến trung tâm xã? ...).

2. Về văn hóa (đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa? có nhà văn hóa đạt chuẩn quốc gia? tỷ lệ thôn, bản có nhà sinh hoạt cộng đồng?...)

3. Về giáo dục (đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia? tỷ lệ các cháu mầm non đến lớp? Tổng số học sinh được cử tuyển?...)

4. Về y tế (đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia? tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ? tỷ lệ thôn, bản có cán bộ y tế? tỷ lệ hộ DTTS sử dụng nước sạch? tỷ lệ hộ DTTS sử dụng hố xí hợp vệ sinh?...)

#### 5. Về an ninh trật tự

Báo cáo tình hình an ninh trật tự, tôn giáo, tà giáo, đạo lạ, di cư tự do, nạn phá rừng, buôn bán ma túy, phụ nữ, trẻ em, tội phạm khác...

#### II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG ĐẦU NĂM (NĂM...)

##### 1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về công tác dân tộc

- Công tác quán triệt, tổ chức, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, và Nhà nước về công tác dân tộc.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về Công tác dân tộc và Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.

- Ban hành các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc.

##### 2. Kết quả hoạt động của cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh

- Tổ chức bộ máy, nhân sự; thay đổi chức năng, nhiệm vụ; phân cấp quản lý, chỉ đạo.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc: Theo dõi, tổng hợp tình hình vùng dân tộc; xây dựng và giao nhiệm vụ kế hoạch, huy động nguồn lực,

phân bổ vốn, ban hành văn bản hướng dẫn; theo dõi, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc; tổ chức thăm hỏi ngày lễ, tết; thực hiện các chính sách an sinh xã hội...

### **3. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc**

*3.1. Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo:*

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện từng chính sách, chương trình, dự án.
- Lập các *Biểu tổng hợp số 002/ĐP/., 003/ĐP/., 004/ĐP/., ...* ban hành kèm theo Thông tư này.

*3.2. Kết quả thực hiện một số chương trình, đề án, dự án, chính sách do các bộ, ngành khác quản lý, chỉ đạo:*

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện một số chính sách, chương trình, dự án tác động trực tiếp đến DTTS, thực hiện tại vùng DTTS&MN (Chương trình MTQG xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, các chính sách về y tế, văn hóa, giáo dục, dạy nghề...)
- Lập các *Biểu tổng hợp số 014/BN.ĐP/CSDT* ban hành kèm theo Thông tư này.

*3.3. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc đặc thù của địa phương:*

- Đề xuất, nghiên cứu, xây dựng đề án, chính sách mới.
- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án hiện hành.
- Lập các *Biểu tổng hợp số 014/BN.ĐP/CSDT* ban hành kèm theo Thông tư này.

### **4. Đánh giá chung**

Kết quả đạt được; những ưu điểm, thuận lợi, khó khăn, hạn chế, yếu kém, nguyên nhân.


## **III. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DÂN TỘC TRỌNG TÂM 6 THÁNG (NĂM) TIẾP THEO**

**1. Kế hoạch nhiệm vụ công tác dân tộc 6 tháng cuối năm (hoặc năm sau).**

**2. Giải pháp thực hiện**

### **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Các kiến nghị, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành TW liên quan đến công tác dân tộc.

 **TM/ UBND TỈNH/THÀNH PHỐ**  
(Ký tên, đóng dấu)

## II. DANH MỤC CÁC BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC

STT	SỐ MẪU BIỂU TỔNG HỢP	TÊN BIỂU TỔNG HỢP	KỶ TỔNG HỢP	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	THỜI HẠN GỬI
1	Biểu tổng hợp số 002/ĐP/135.CSHT	Biểu tổng hợp kết quả thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng chương trình 135	6 tháng, năm	Cơ quan CTDT cấp tỉnh, UBND các cấp	Kèm báo cáo
2	Biểu tổng hợp số 003/ĐP/135.PTSX	Biểu tổng hợp kết quả thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất chương trình 135	6 tháng, năm	Cơ quan CTDT cấp tỉnh, UBND các cấp	Kèm báo cáo
3	Biểu tổng hợp số 004/ĐP/135.NCNL	Biểu tổng hợp kết quả thực hiện dự án nâng cao năng lực chương trình 135	6 tháng, năm	Cơ quan CTDT cấp tỉnh, UBND các cấp	Kèm báo cáo
4	Biểu tổng hợp số 005/ĐP/135.TH	Biểu tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chương trình 135 năm ....	Năm	UBND các cấp	Kèm báo cáo
5	Biểu tổng hợp số 006/ĐP/2085	Biểu tổng hợp kết quả thực hiện các chính sách đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt phân tán, định canh, định cư theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg	6 tháng, năm	Cơ quan CTDT cấp tỉnh, UBND các cấp	Kèm báo cáo
6	Biểu tổng hợp số 007/ĐP/12	Biểu tổng hợp kết quả thực hiện chính sách đối với Người có uy tín theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg	6 tháng, năm	Cơ quan CTDT cấp tỉnh, UBND các cấp	Kèm báo cáo
7	Biểu tổng hợp số 008/ĐP/1163	Biểu tổng hợp kết quả thực hiện Đề án "Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2021" theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg	6 tháng, năm	Cơ quan CTDT cấp tỉnh, UBND các cấp	Kèm báo cáo
8	Biểu tổng hợp số 009/ĐP/1672	Biểu tổng hợp kết quả thực hiện đề án "Phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc: Mảng, La Hù, Cống, Cờ Lao" theo Quyết định số 1672/QĐ - TTg	6 tháng, năm	Cơ quan CTDT cấp tỉnh, UBND các cấp	Kèm báo cáo
9	Biểu tổng hợp số 010/ĐP/498	Biểu tổng hợp kết quả thực hiện đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS giai đoạn 2015 -2025" theo Quyết định số 498/QĐ-TTg	6 tháng, năm	Cơ quan CTDT cấp tỉnh, UBND các cấp	Kèm báo cáo
10	Biểu tổng hợp số 011/ĐP/1898	Biểu tổng hợp kết quả thực hiện đề án "Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng DTTS giai đoạn 2018 - 2025" theo Quyết định số 1898/QĐ-TTg	6 tháng, năm	Cơ quan CTDT cấp tỉnh, UBND các cấp	Kèm báo cáo



STT	SỐ MẪU BIỂU TỔNG HỢP	TÊN BIỂU TỔNG HỢP	KỶ TỔNG HỢP	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	THỜI HẠN GỬI
11	Biểu tổng hợp số 012/ĐP/2214	Biểu tổng hợp kết quả thực hiện đề án Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS theo Quyết định số 2214/QĐ-TTg	6 tháng, năm	Cơ quan CTDT cấp tỉnh, UBND các cấp	Kèm báo cáo
12	Biểu tổng hợp số 013/ĐP/1557	Biểu kết quả tình hình thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg	Năm	UBND các cấp	Kèm báo cáo
13	Biểu tổng hợp số 014/BN.ĐP/CSĐT	Biểu tổng hợp kết quả thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách liên quan đến công tác dân tộc do bộ/địa phương quản lý chi đạo	6 tháng, năm	Các bộ; Cơ quan CTDT cấp tỉnh và UBND các cấp	Kèm báo cáo

**Ghi chú ký hiệu biểu:**

- 001, 002....: Số thứ tự của biểu.
- /ĐP/: Biểu do các địa phương lập.
- 2085; 12; 1163; 2214.....: Ký hiệu các chính sách dân tộc do Ủy ban Dân tộc quản lý.
- CSHT: Tiểu dự án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng.
- PTSX: Tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.
- NCNL: Tiểu dự án Nâng cao năng lực

*ny*

UBND TỈNH(TP)/HUYỆN/XÃ.....  
Hoặc CƠ QUAN DÂN TỘC CẤP TỈNH

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ 002/ĐP/135.CSHT**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CSHT CHƯƠNG TRÌNH 135**

(Kèm theo Báo cáo số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....)

STT	HẠNG MỤC	Số công trình					Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)				Vốn giải ngân (triệu đồng)	Số công trình hoàn thành	Ghi chú
		Khởi công mới	Chuyển tiếp, trả nợ	Duy tu bảo dưỡng	Xã CĐT	Cộng đồng thực hiện		NSTƯ (CT 135)	NSDP	Dân đóng góp (quy đổi)	Lòng ghép, vốn khác			
1	2	3	4	5	6	7	$8=9+10+11+12$	9	10	11	12	13	14	15
1	Công trình giao thông													
2	Công trình thủy lợi													
3	Công trình điện													
4	Công trình văn hóa													
5	Công trình y tế													
6	Công trình giáo dục													
7	Nước sinh hoạt													
8	Công trình khác													
<b>CỘNG</b>														

(Biểu này áp dụng kèm theo báo cáo 6 tháng của cơ quan dân tộc cấp tỉnh và UBND cấp huyện, xã; báo cáo năm của UBND các cấp; có thể thay đổi để phù hợp với chính sách ở từng thời điểm)

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm....  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

UBND TỈNH(TP)/HUYỆN/XÃ.....

Hoặc CƠ QUAN DÂN TỘC CẤP TỈNH

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ 003/ĐP/135.PTSX**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH 135**

(Kèm theo Báo cáo số..... ngày ..... tháng ..... năm..... của.....)

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)				Vốn giải ngân (triệu đồng)	Số hộ hưởng lợi
					NSTW (CT 135)	NSĐP	Dân đóng góp	Lồng ghép		
1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11
1	Đại gia súc	Con								
2	Gia súc	Con								
3	Gia cầm	Con								
4	Thủy sản/ Khác	Con								
5	Giống cây lương thực	Kg								
6	Giống cây ăn quả	Cây								
7	Giống cây công nghiệp	Cây								
8	Giống cây khác	Kg								
9	Chuồng trại chăn nuôi	Chuồng								
10	Thức ăn CN	Tấn								
11	Máy móc thiết bị	Cái								
12	Xăng, dầu	Lít								
13	Phân bón các loại	Tấn								
14	Thuốc BVTV	Liều								
15	Thuốc thú y	Liều								
16	Mô hình PTSX	Mô hình								
17	Tham quan học tập	Người								



18	Đào tạo nghề, tập huấn	Người								
19	Chi phí quản lý									

(Biểu này áp dụng kèm theo báo cáo 6 tháng của cơ quan dân tộc cấp tỉnh và UBND cấp huyện, xã; báo cáo năm của UBND các cấp; có thể thay đổi để phù hợp với chính sách ở từng thời điểm)

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

UBND TỈNH(TP)/HUYỆN/XÃ.....  
Hoặc CƠ QUAN DÂN TỘC CẤP TỈNH

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ 004/ĐP/135.NCNL**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHƯƠNG TRÌNH 135**  
(Kèm theo Báo cáo số..... ngày ..... tháng ..... năm..... của.....)

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn (tr. đồng)			Lượt người tham dự (người)						Vốn giải ngân	Ghi chú
					NSTƯ (CT 135)	NSDP	NV Khác	Cán bộ xã		Cán bộ thôn		Người dân			
								Số lượng	Trong đó nữ	Số lượng	Trong đó nữ	Số lượng	Trong đó nữ		
1	2	3	4	5 = 6+7+8	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Lớp tập huấn	Lớp													
2	Tham quan học tập	Đợt													

(Biểu này áp dụng kèm theo báo cáo 6 tháng của cơ quan dân tộc cấp tỉnh và UBND cấp huyện, xã; báo cáo năm của UBND các cấp; có thể thay đổi để phù hợp với chính sách ở từng thời điểm)

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ 005/DP/135.TH**  
**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM...**

*(Kèm theo Báo cáo số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....)*

TT	Tiêu chí đánh giá	Đầu giai đoạn	Thời điểm báo cáo
1	Tỷ lệ hộ nghèo các xã, thôn bản ĐBKK (%)		
2	Tỷ lệ hộ cận nghèo các xã, thôn bản ĐBKK(%)		
3	Thu nhập bình quân hộ nghèo ở các xã, thôn bản ĐBKK		
4	Tỷ lệ hộ nghèo DTTS của tỉnh (%)		
5	Tỷ lệ hộ cận nghèo DTTS của tỉnh (%)		
6	Thu nhập bình quân hộ nghèo DTTS của tỉnh		
7	Tỷ lệ hộ gia đình ở xã, thôn ĐBKK được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh		
8	Tỷ lệ diện tích canh tác được tưới tiêu bằng các công trình thủy lợi trên địa bàn xã, thôn ĐBKK		
9	Số xã hoàn thành mục tiêu CT135		
10	Số thôn bản hoàn thành mục tiêu CT135		
11	Số xã ĐBKK có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ GTVT		
12	Số thôn, bản ĐBKK có đường trục giao thông được cứng hóa theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ GTVT		
13	Số xã ĐBKK đạt tiêu chí quốc gia về y tế		
14	Số xã ĐBKK có Trạm y tế đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế		
15	Số xã ĐBKK có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân		
16	Số xã ĐBKK làm chủ đầu tư dự án hỗ trợ PTSX		
17	Số xã ĐBKK làm chủ đầu tư dự án đầu tư CSHT		
18	Số xã ĐBKK có tổ đội sản xuất tham gia thi công công trình hạ tầng thuộc CT135		

*(Biểu này áp dụng kèm theo báo cáo 6 tháng của cơ quan dân tộc cấp tỉnh và UBND cấp huyện, xã; báo cáo năm của UBND các cấp; có thể thay đổi để phù hợp với chính sách ở từng thời điểm)*

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

....., ngày..... tháng..... năm....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)*



UBND TỈNH(TP)/HUYỆN/XÃ.....  
Hoặc CƠ QUAN DÂN TỘC CẤP TỈNH

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 006/ĐP/2085

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT VÀ NƯỚC SINH HOẠT PHÂN TÁN,  
ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTG**

(Kèm theo Báo cáo số..... ngày ..... tháng ..... năm..... của.....)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Huyện, thị xã	Tổng số hộ hưởng các nội dung chính sách	Tổng vốn thực hiện hỗ trợ	Tổng vốn thực hiện cho vay	Đất ở			Đất sản xuất							Nước sinh hoạt		Bổ trí ổn định dân cư					Vay vốn hộ đặc biệt khó khăn		Ghi chú
					Số hộ	Diện tích (ha)	Vốn NSDP	Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất				Hỗ trợ chuyển đổi nghề			Số hộ	Vốn hỗ trợ	Số hộ	Kết quả thực hiện		Tổng vốn đã thanh toán	Số hộ	Số tiền		
								Vốn hỗ trợ	Số hộ	Diện tích (ha)	Vốn vay	Vốn hỗ trợ	Số hộ	Vốn vay				Vốn ĐTPT	Vốn SN					
1	2	3=6+9+13+16+18+22	4=11+14+17+21	5=12+15+23	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21=19+20	22	23	24	
1																								
2																								
3																								
4																								
5																								
6																								
7																								
8																								
Tổng số																								

(Biểu này áp dụng kèm theo báo cáo 6 tháng của cơ quan dân tộc cấp tỉnh và UBND cấp huyện, xã; báo cáo năm của UBND các cấp; có thể thay đổi để phù hợp với chính sách ở từng thời điểm)

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

UBND TỈNH(TP)/HUYỆN/XÃ.....

Hoặc CƠ QUAN DÂN TỘC CẤP TỈNH

BIỂU TỔNG HỢP 007/ĐP/12

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ UY TÍN

THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12/2018/QĐ-TTg

(Kèm theo Báo cáo số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....)

Số TT	Nội dung thực hiện	Khối lượng thực hiện			Kinh phí (triệu/đồng)				Ghi chú
		Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Kinh phí thực hiện			% giải ngân so với KH	
					NSDP	NSTW	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=6+7)	(9)	(10)
I	Cung cấp thông tin cho NCUT								
1	Hội nghị phổ biến, cung cấp thông tin cho NCUT:								
a)	Do cấp tỉnh tổ chức (Sở, Ban, ngành):								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							
b)	Do cấp huyện tổ chức								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							
2	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho NCUT:								
a)	Do cấp tỉnh tổ chức (Sở, Ban, ngành):								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							
b)	Do cấp huyện tổ chức								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							
3	Tổ chức cho NCUT đi thăm quan, giao lưu, học tập kinh nghiệm trong, ngoài tỉnh:								
a)	Do cấp tỉnh tổ chức (Sở, Ban, ngành):								
*	Tổ chức trong tỉnh:								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							
*	Tổ chức ngoài tỉnh (Hà Nội và ĐP khác)								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							
b)	Do cấp huyện tổ chức:								
*	Tổ chức trong huyện:								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							
*	Tổ chức ở các huyện khác trong tỉnh								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							

c)	Đón tiếp các Đoàn NCUT các tỉnh khác								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số lượt NCUT đón tiếp	người							
4	Cấp báo, tạp chí cho NCUT:								
a)	Báo Dân tộc và Phát triển								
	- Số kỳ phát hành/năm	kỳ							
	- Số tờ/năm	tờ							
b)	Báo của địa phương								
	- Số kỳ phát hành/năm	kỳ							
	- Số tờ/năm	tờ							
5	Hình thức cung cấp thông tin khác								Nêu cụ thể
II	Hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần								
1	Thăm hỏi, tặng quà NCUT nhân dịp Tết Nguyên đán								
a)	Do cấp tỉnh tổ chức:								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số lượt NCUT được thăm hỏi	người							
b)	Do cấp huyện tổ chức								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số lượt NCUT được thăm hỏi	người							
2	Thăm hỏi, tặng quà NCUT nhân dịp Tết của các DTTS (ghi cụ thể DTTS được thăm hỏi):								
a)	Do cấp tỉnh tổ chức:								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số lượt NCUT được thăm hỏi	người							
b)	Do cấp huyện tổ chức								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số lượt NCUT được thăm hỏi	người							
3	Thăm hỏi, động viên NCUT ốm đau:								
a)	Do cấp tỉnh tổ chức:								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số lượt NCUT được thăm hỏi	người							
b)	Do cấp huyện tổ chức								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số lượt NCUT được thăm hỏi	người							
4	Thăm hỏi, hỗ trợ gia đình NCUT gặp khó khăn:								
a)	Do cấp tỉnh tổ chức:								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số lượt gia đình NCUT được thăm hỏi	gia đình							
b)	Do cấp huyện tổ chức:								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số lượt gia đình NCUT được thăm hỏi	gia đình							

5	Thăm viếng, động viên NCUT và thân nhân gia đình NCUT qua đời:							
a)	Do cấp tỉnh tổ chức:							
	- Số cuộc	cuộc						
	- Số trường hợp được thăm viếng	người						
b)	Do cấp huyện tổ chức:							
	- Số cuộc	cuộc						
	- Số trường hợp được thăm viếng	người						
6	Hình thức thăm hỏi, hỗ trợ khác							Nêu cụ thể
<b>III</b>	<b>Khen thưởng NCUT</b>							
1	Do cấp Trung ương khen thưởng							
	- Hình thức khen thưởng							
	- Số lượng NCUT được khen thưởng	người						
2	Do cấp tỉnh khen thưởng							
	- Hình thức khen thưởng							
	- Số lượng NCUT được khen thưởng	người						
3	Do cấp huyện khen thưởng							
	- Hình thức khen thưởng							
	- Số lượng NCUT được khen thưởng	người						
	<b>Tổng cộng</b>						<b>(I+II+III)</b>	

(Biểu này áp dụng kèm theo báo cáo 6 tháng của cơ quan dân tộc cấp tỉnh và UBND cấp huyện, xã; báo cáo năm của UBND các cấp; có thể thay đổi để phù hợp với chính sách ở từng thời điểm)

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

UBND TỈNH(TP)/HUYỆN/XÃ.....

Hoặc CƠ QUAN DÂN TỘC CẤP TỈNH

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ 008/ĐP/1163**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC VÀ TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO VÙNG DTTS&MN GIAI ĐOẠN 2017 - 2021" THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1163/QĐ-TTg**

(Kèm theo Báo cáo số..... ngày ..... tháng ..... năm..... của.....)

STT	Nội dung hoạt động	Số lượng	Kế hoạch (Triệu đồng)	Thực hiện (Triệu đồng)	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
	<b>Tổng cộng</b>				

(Biểu này áp dụng kèm theo báo cáo 6 tháng của cơ quan dân tộc cấp tỉnh và UBND cấp huyện, xã; báo cáo năm của UBND các cấp; có thể thay đổi để phù hợp với chính sách ở từng thời điểm)

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

UBND TỈNH(TP)/HUYỆN/XÃ.....  
Hoặc CƠ QUAN DÂN TỘC CẤP TỈNH

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ 009/ĐP/1672**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG CÁC DÂN TỘC: MÀNG, LA HỦ, CỒNG, CỜ LAO"  
THEO QUYẾT ĐỊNH 1672/QĐ - TTG**

(Kèm theo Báo cáo số..... ngày ..... tháng ..... năm..... của.....)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch									Thực hiện			Ghi chú	
			Kế hoạch giao đầu năm			Vốn giao bổ sung			Tổng các nguồn vốn			Khối lượng	Kinh phí	Tỷ lệ giải ngân đạt ..% so với tổng vốn giao	Số Quyết định giao vốn, ngày, tháng, năm	Ghi rõ tên công trình, quy mô, ở đâu...
			1			2			3=1+2			4	5	6	7	8
			Tổng	NSTW	NSDP	Tổng	NSTW	NSDP	Tổng	NSTW	NSDP					
	<b>TỔNG SỐ:</b>															
<b>I</b>	<b>Công trình chuyển tiếp</b>															
<b>1</b>	<b>Công trình giao thông</b>															
	- Đường giao thông	Km														
	- Cầu	Cầu														
	- ...															
<b>2</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>															
	- Đập thủy lợi	Đập														
	- Kênh mương	Km														
	- ...															
	- Năng lực tưới tiêu tăng thêm															
<b>3</b>	<b>Công trình điện</b>															
	- Trạm hạ thế	Trạm														

*2*



[illegible]

(Biểu này áp dụng kèm theo báo cáo 6 tháng của cơ quan dân tộc cấp tỉnh và UBND cấp huyện, xã; báo cáo năm của UBND các cấp; có thể thay đổi để phù hợp với chính sách ở từng thời điểm)

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

UBND TỈNH(TP)/HUYỆN/XÃ.....  
Hoặc CƠ QUAN DÂN TỘC CẤP TỈNH

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ 010/ĐP/498**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "GIẢM THIỂU TÌNH TRẠNG TẢO HÔN VÀ HÔN NHÂN CẬN HUYẾT THỐNG TRONG VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN 2015-2025" THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 498/QĐ-TTG**

(Kèm theo Báo cáo số..... ngày ..... tháng ..... năm..... của.....)

(Kèm theo Báo cáo số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....)																		
TT	Đơn vị/cơ quan thực hiện	Tập huấn, cung cấp thông tin		Các hoạt động tuyên truyền, tư vấn, can thiệp về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống					Thống kê số vụ kết hôn						Kinh phí (triệu đồng)			
		Số cuộc	Số lượt người tham gia	Tuyên truyền qua báo đài địa phương (tin, bài...)	Xây dựng pa nô, áp phích (số lượng)	Số vụ tư vấn về tảo hôn và hôn nhân CHT	Số vụ can thiệp về tảo hôn và hôn nhân CHT	Hoạt động khác (nếu có)	Tổng số cặp kết hôn	Số cặp kết hôn tảo hôn		Tỷ lệ %	Số cặp kết hôn cận huyết thống	Tỷ lệ %	Kế hoạch giao			Tỷ lệ giải ngân (%)
										1 người tảo hôn	Cả 2 người tảo hôn				NSDP	NSTW	Tổng	
1	Huyện A																	
2	Huyện B																	
3	....																	
	Tổng cộng																	

(Biểu này áp dụng kèm theo báo cáo 6 tháng của cơ quan dân tộc cấp tỉnh và UBND cấp huyện, xã; báo cáo năm của UBND các cấp; có thể thay đổi để phù hợp với chính sách ở từng thời điểm)

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

UBND TỈNH(TP)/HUYỆN/XÃ.....  
Hoặc CƠ QUAN DÂN TỘC CẤP TỈNH

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ 011/ĐP/1898**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG BÌNH ĐẲNG GIỚI VÙNG DTTS GIAI ĐOẠN 2018 - 2025"**  
**THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1898/QĐ-TTG**

(Kèm theo Báo cáo số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....)

Số TT	Nội dung chính sách thực hiện đối với bình đẳng giới	Khối lượng thực hiện			Kinh phí thực hiện				Ghi chú
		Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	NSDP	NSTW	Tổng	Tỷ lệ % giải ngân so với KH	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (6)+(7)	(9)	(10)
<b>I</b>	<b>Một số thông tin về thực trạng</b>								
1	Số vụ bạo lực trong gia đình DTTS	Vụ							
2	Số vụ bạo lực được can thiệp, hòa	Vụ							
3	Số lượng phụ nữ DTTS bị buôn	người							
4	Số lượng trẻ em gái DTTS bị buôn	người/người							
<b>II</b>	<b>Cung cấp thông tin</b>								
1	Tuyên truyền, phổ biến BDG								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số người tham dự	người							
2	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số người tham dự	người							
3	Hỗ trợ thực hiện, xây dựng mô								
	- Số lượng mô hình trên toàn tỉnh	mô hình							Liệt kê tên, địa điểm xây dựng mô hình và các
	- Số người tham gia thực hiện mô	người							
4	Hoạt động khác (nếu có)								
	Tổng cộng								

(Biểu này áp dụng kèm theo báo cáo 6 tháng của cơ quan dân tộc cấp tỉnh và UBND cấp huyện, xã; báo cáo năm của UBND các cấp; có thể thay đổi để phù hợp với chính sách ở từng thời điểm)

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm....  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

UBND TỈNH(TP)/HUYỆN/XÃ.....  
 Hoặc CƠ QUAN DÂN TỘC CẤP TỈNH

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 012.ĐP/2214

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO  
 ĐTTT THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2214/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Báo cáo số..... ngày ..... tháng ..... năm..... của.....)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên chương trình dự án	Tổ chức tài trợ	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Tổng kinh phí	Vốn tài trợ	Vốn đối ứng	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
1									
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									
<b>Tổng cộng</b>									

(Biểu này áp dụng kèm theo báo cáo 6 tháng của cơ quan dân tộc cấp tỉnh và UBND cấp huyện, xã; báo cáo năm của UBND các cấp; có thể thay đổi để phù hợp với chính sách ở từng thời điểm)

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm....  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
 (Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ 013/ĐP/1557**  
**KẾT QUẢ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1557/QĐ-TTg**  
*(Kèm theo Báo cáo số..... ngày ..... tháng ..... năm..... của.....)*

STT	Chỉ tiêu đối với đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS)	Kế hoạch	Kết quả đạt được	Kết quả so với kế hoạch (%)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói</b>				
1.1	Tỷ lệ hộ nghèo DTTS (%)				
1.2	Tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi (%)				
<b>2</b>	<b>Phổ cập giáo dục tiểu học</b>				
2.1	Tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng tuổi bậc tiểu học (%)				
2.2	Tỷ lệ người DTTS hoàn thành chương trình tiểu học (%)				
2.3	Tỷ lệ người DTTS từ 10 tuổi trở lên biết chữ (%)				
<b>3</b>	<b>Tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ</b>				
3.1	Tỷ lệ mù chữ của nữ người DTTS				
3.2	Tỷ lệ học sinh nữ DTTS ở bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông (%)				
3.3	Tỷ lệ đại biểu nữ DTTS ở HĐND cấp xã (%)				
3.4	Tỷ lệ đại biểu Quốc hội nữ/tổng số đại biểu quốc hội người DTTS (%)				
<b>4</b>	<b>Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em</b>				
4.1	Tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống				
4.2	Tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 5 tuổi/1000 trẻ đẻ sống				
<b>5</b>	<b>Tăng cường sức khỏe bà mẹ</b>				
5.1	Tỷ số tử vong mẹ người DTTS/100.000 trẻ sơ sinh sống (%)				
5.2	Tỷ lệ các ca sinh của phụ nữ của phụ nữ DTTS được cán bộ y tế đã qua đào tạo đỡ (%)				
5.3	Tỷ lệ phụ nữ DTTS được khám thai ít nhất 3 lần trong kỳ mang thai (%)				

<b>6</b>	<b>Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các dịch bệnh khác</b>				
6.1	Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm dân số DTTS 15 - 24 tuổi (%)				
6.2	Tỷ lệ bệnh nhân DTTS mắc sốt rét/1000 dân				
6.3	Tỷ lệ DTTS mắc lao/100.000 dân				
<b>7</b>	<b>Đảm bảo bền vững về môi trường</b>				
7.1	Tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (%)				
7.2	Tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng hố xí hợp vệ sinh (%)				

(Áp dụng kèm theo báo cáo năm của Ủy ban nhân dân các cấp; có thể thay đổi để phù hợp với chính sách ở từng thời điểm)

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

BỘ..... / ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH(TP)/HUYỆN/XÃ....

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ 014/ĐP.BN/CSDT**

**Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách liên quan đến công tác dân tộc  
do bộ/địa phương..... quản lý chỉ đạo 6 tháng đầu năm (năm...)**

(Kèm theo Báo cáo số ..... ngày ..... tháng ..... năm..... của.....)

(Đơn vị: Triệu đồng)

STT	Tên Chương trình, đề án, dự án, chính sách	Vốn nhu cầu kế hoạch	Vốn được giao	Vốn đã giải ngân	Tỷ lệ giải ngân/ vốn giao	Một số kết quả chủ yếu
1						
2						
3						
4						
...						
	<b>Tổng số</b>					

(Biểu này áp dụng kèm theo báo cáo 6 tháng, năm của các Vụ, đơn vị thuộc UBND)

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)